

# NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ\_ NGUYỄN TUÂN

Giáo viên: Hoàng Nhung- 5star.edu.vn



Video Bài Giảng và Lời Giải chi tiết chỉ có tại website: [online.5star.edu.vn](http://online.5star.edu.vn)



## I. TÌM HIỂU CHUNG

### 1. Về tác giả

- a. Quê hương, gia đình
- b. Đường đời, học vấn
- c. Con người

(Xem SGK Ngữ văn 11- Bài Tác gia Nguyễn Tuân)

### d. Phong cách

- Những nét đặc sắc nhất: Tài hoa uyên bác, tân kỳ và truyền thống, “ngông”, tính tùy bút.  
+ Tùy bút:

Tùy hứng, tùy lúc, tùy thời mà chép (Đào Duy Anh- Hán Việt từ điển)

Là một thể loại phái sinh của ký

Không bị ràng buộc bởi nguyên tắc nào, tự do thể hiện chủ kiến cá nhân

Nhân vật thường là những chân dung

Cảm hứng lãng mạn rất rõ

Dung lượng trung bình

Lời văn uyển chuyển, linh hoạt giữa chất thơ và trần thuật.

- Ổn định và biến đổi qua các thời kỳ:

+Trước cách mạng: “xê dịch” cho vơi cảm giác thiếu quê hương. Tiêu biểu là tập “Vang bóng một thời”

+Sau cách mạng: “xê dịch” để đi tìm “chất vàng” của thiên nhiên và tìm “thứ vàng 10 đã qua thử lửa” trong tâm hồn con người. Tập truyện tiêu biểu là tập “Sông Đà” (1960)

## 2. Về tác phẩm

### a. Hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ

- Là kết quả của chuyến đi thực tế lên Tây Bắc của Nguyễn Tuân vào năm 1958.

- Được in trong tập “Sông Đà” (1960)

+ Gồm 15 bài tùy bút và 1 bài thơ phác thảo

+ Phản ánh thiên nhiên và thực tế cuộc sống sinh hoạt của con người Tây Bắc trên bước đường tiến lên CNXH

Thiên nhiên Tây Bắc: Vừa hùng vĩ, dữ dội; vừa thơ mộng, trữ tình

Con người Tây Bắc: dũng cảm, tài hoa, cần cù lao động

+ Thể hiện tâm hồn, tài năng độc đáo của Nguyễn Tuân và cho thấy sự thay đổi mạnh mẽ trong phong cách:

✓ Trước cách mạng: Nguyễn Tuân tìm đến những miền đất lạ, “xê dịch” cho khuây khỏa cảm giác “thiếu quê hương”

✓ Sau cách mạng: Nguyễn Tuân không quản khó khăn, cực nhọc, lặn lội ngang dọc khắp mọi miền đất nước, đặc biệt là Tây Bắc để tìm: “chất vàng” của thiên nhiên và “thứ vàng 10 đã qua thử lửa” của tâm hồn con người.

**b. Nội dung chủ yếu (bố cục)**

- Phần 1: Vẻ đẹp của thiên nhiên Tây Bắc qua hình tượng con sông Đà “hung bạo” và “trữ tình”.
  - + từ đầu -> quy luật tất yếu của dòng nước sông Đà: sông Đà “hung bạo”
  - + còn lại: sông Đà “trữ tình”
- Phần 2: Vẻ đẹp của người lái đò Tây Bắc qua hình tượng ông lái đò tài hoa, trí dũng song toàn.

**c. Chủ đề:**

- Tình yêu thiên nhiên, đất nước
- Lòng gắn bó với con người, cuộc sống ở vùng cao Tây Bắc

**d. Vị trí đoạn trích**

- Phần giữa của tác phẩm Người lái đò Sông Đà
- Tiêu biểu cho tư tưởng và phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân sau Cách mạng tháng Tám 1945.

**II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN****A. VẸ ĐẸP CỦA THIÊN NHIÊN TÂY BẮC QUA HÌNH TƯỢNG CON SÔNG ĐÀ “HUNG BẠO” VÀ “TRỮ TÌNH”****1. Ý nghĩa lời đề từ:**

a/ “Đẹp vậy thay, tiếng hát trên dòng sông”

Câu thơ của nhà thơ Ba Lan ca ngợi vẻ đẹp của con người lao động sông nước nói riêng, con người lao động nói chung.

b/ “Chúng thủy giai đông tẩu, Đà giang độc bắc lưu”

- Câu thơ của Nguyễn Quang Bích, được Nguyễn Tuân chọn làm lời đề từ với nhiều ý nghĩa.
- Dịch nghĩa: “Mọi con sông đều chảy về hướng Đông, chỉ riêng con sông Đà chảy về hướng Bắc”
  - + Con sông duy nhất chảy ngược dòng: nét cá tính độc đáo, riêng biệt
  - + Phong cách Nguyễn Tuân, bản ngã Nguyễn Tuân có nét tương đồng và gặp gỡ với con sông đặc biệt này. Trong nghệ thuật, NT cũng là một “Đà giang độc bắc lưu”

+ Gọi sự tò mò cho độc giả về 1 con sông đặc biệt, khác biệt (khác sông Hồng, sông Hương...)

⇒ Nét độc đáo, đặc biệt ngay ở những lời đề từ và câu thơ mở đầu.

## 2. Con sông Đà “hùng vĩ”, “hung bạo”

- CHÚ Ý:

+ Nếu NKĐ cảm nhận mỗi dòng sông trên đất Việt là những “con rồng nằm im”, HPNT cảm nhận con sông Hương như “một cô gái Digan phóng khoáng và man dại”, như “ người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở”; thì Nguyễn Tuân lại cảm nhận con sông Đà như một con người, một sinh thể sống có hồn, như một người con của đất Việt.

+ Sinh thể sống ấy có: nơi khai sinh, có tên khai sinh, có nơi xin nhập quốc tịch Việt Nam; có cuộc đời, có số phận, có vẻ đẹp cụ thể, có bản tính cụ thể: “hung bạo” và “trữ tình”.

+ Nguyễn Tuân là nhà văn không ưa những gì bằng phẳng, nhợt nhạt, khuôn phép, yên ổn. Ông là nhà văn của những tính cách độc đáo, của những tình cảm, cảm giác mãnh liệt, của những phong cảnh tuyệt mỹ, của gió, bão, núi cao, rừng thiêng, thác ghềnh dữ dội. (dẫn theo SGK Ngữ văn 12 Nâng cao, trang 168). Nên NT đã chọn con sông Đà làm điểm đến.

### a/ Con sông Đà “hùng vĩ”:

- “những cảnh đá bờ sông dựng vách thành, mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đúng ngọ mới có mặt trời”: sự đồ sộ, cao lớn, hiểm trở của vách đá bờ sông

- “Có vách đá thành chẹt lòng Sông Đà như một cái yết hầu”: lòng sông rất hẹp.

- “ngồi trong khoang đò qua quăng ấy, đang mùa hè mà cũng cảm thấy lạnh”:

⇒ Dưới ngòi bút Nguyễn Tuân, vẻ đẹp hùng vĩ của con sông Đà hiện lên trước hết qua cảnh những vách đá kỳ vĩ, dựng đứng hai bên bờ sông phía thượng nguồn.

⇒ Nghệ thuật so sánh độc đáo, tưởng tượng phong phú, sử dụng nhiều giác quan đã làm nổi bật cảm giác của một người đang đi thuyền trên sông cảm thấy choáng ngợp trước vách đá dựng đứng của sông Đà.

### b/ Con sông Đà “hung bạo”

### **b.1. Ở quãng sông nơi mặt ghềnh Hát Loóng:**

- Nhà văn miêu tả quãng sông này: *“dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng muốn đòi nợ xuýt bất cứ người lái đò sông Đà nào tóm được qua quãng đấy”*.
- + Dài hàng cây số: Quãng sông rất dài
- + Nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió: Với nghệ thuật miêu tả trùng điệp của Nguyễn Tuân, tất cả những gì tĩnh tại, bất biến, vô tri cũng trở nên sống động, chực quậy.
- + Cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng muốn đòi nợ xuýt bất cứ người lái đò sông Đà nào tóm được qua quãng đấy: Nhân hóa và so sánh độc đáo-> con sông Đà hiện lên như một sinh thể có hồn.
- ⇒ Câu văn trùng điệp nổi bật khung cảnh gió to, sóng mạnh ở quãng này. Nó lại kéo dài hàng cây số nên càng đáng sợ, hung bạo hơn.

### **b.2. Quãng sông ở Tà Mường Vát phía dưới Sơn La:**

- Nguyễn Tuân choáng ngợp ở quãng sông này bởi những “hút nước” cuộn xoáy, cảnh tượng ở đây:
- + *“nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc”*
- + *“nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào”*
- + Những cái hút nước *“quay lừ lừ như những cánh quạt đàn”*
- + *“không thuyền nào dám men gần những cái hút nước ấy”*
- ⇒ Qua các so sánh, liên tưởng độc đáo ta thấy: Áp lực nước quá mạnh, quá nhanh. Đây cũng chính là những cạm bẫy mà sông Đà đã giăng sẵn để bẫy những con thuyền. Vì thế con người luôn phải thận trọng, tránh xa. Trong cái nhìn độc đáo của nhà văn, tất cả những cái hút xoáy ở quãng sông này đều giống như một cái bẫy nham hiểm.
- + *“có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền tròng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và đi ngằm dưới lòng sông đến gần mười phút mới thấy tan xác ở khuyết sông dưới”*: nghệ thuật phóng đại, động từ mạnh, ngôn ngữ giàu chất tạo hình khiến con sông nổi bật với vẻ vô cùng độc dữ và hung bạo như một loài thủy quái.

- Vốn là người say mê điện ảnh (từng đóng phim) nên Nguyễn Tuân cũng đã sử dụng những thành tựu của điện ảnh hiện đại để đặc tả 1 hình tượng văn học:

+ Trong trường tượng của nhà văn thì:

*“Tôi sợ hãi mà nghĩ đến một anh quay phim táo tợn nào muốn truyền cảm giác lạ cho khán gia, đã dừng cảm dấm ngòi vào một cái thuyền thúng tròn vành rồi cho cả thuyền và mình cả máy quay xuống đáy cái hút sông Đà”*

⇒ Thủ pháp miêu tả từ góc nhìn của điện ảnh khiến cho những hút nước sông Đà trở nên sống động, cảnh chân thực, nổi bật sự hung bạo. Người đọc có được những ấn tượng chân thực và mạnh mẽ nhất về cái dữ dội, nguy hiểm của xoáy nước sông Đà.

⇒ Tóm lại, để làm nổi bật bản chất hung bạo của sông Đà, Nguyễn Tuân đã dồn bút lực để đặc tả 2 quãng sông hung bạo nhất: Quãng sông nơi mặt ghềnh Hát Loong và quãng Tà Mường Vát phía dưới Sơn La.

### **b.3. “Hung bạo” ở trận địa thác đá trên sông:**

- Lưu ý:

+ Đây là đặc điểm nổi bật nhất để miêu tả sông Đà hung bạo

+ Với cái nhìn uyên bác và tài hoa của Nguyễn Tuân, chỉ riêng đoạn từ Vạn Yên về xuôi, Nguyễn Tuân chỉ đặc tả 1/73 con thác có tên vô cùng độc giữ mà đã làm nổi bật được toàn bộ “diện mạo và tâm địa” của thác đá sông Đà

+ Trận địa thác đá được miêu tả bằng cái nhìn của người đi thuyền trên sông, nên trình tự miêu tả là từ xa đến gần.

#### **❖ Từ xa: Âm thanh thác dữ**

- Nhà văn miêu tả: *“... Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại réo to mãi lên”*

+ Câu văn cho thấy âm thanh thác dữ ngay từ xa đã nghe thấy tiếng nước réo gần, réo to. Vậy nếu ta đến gần chắc âm thanh tiếng nước còn mạnh và to nhiều lần hơn nữa.

+ Ở đây Nguyễn Tuân đã rất khéo léo sử dụng khoảng cách của không gian để miêu tả tốc độ dòng chảy của thác nước.

- Nguyễn Tuân còn cảm nhận được: *“Tiếng thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo.”*
- + Nghệ thuật: Nhân hóa
- + Qua ngòi bút của Nguyễn Tuân, tiếng thác cũng có những cung bậc cảm xúc phong phú như con người.
- Cái tài của Nguyễn Tuân không chỉ dừng lại ở đó mà còn đặc biệt được thể hiện ở hình ảnh so sánh sáng tạo, độc đáo để diễn tả âm thanh thác dữ:
  - + *“Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cũng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng”*
    - ✓ Nghệ thuật: So sánh độc đáo, liên tưởng táo bạo
    - ✓ Tre, nứa: là loại chất đốt dễ cháy nhất. Cả rừng tre nứa bùng cháy là hình ảnh dữ dội, khủng khiếp
    - ✓ Nguyễn Tuân tài tình khi tả nước mà lại dùng lửa, dùng 2 hình ảnh đối lập tương phản khiến cho sự dữ dội, hung bạo của thác nước trở nên sống động, ám ảnh và đưa những liên tưởng, tưởng tượng cùng cảm xúc của người đọc lên đến tột cùng.

#### ❖ Ở gần: Hình ảnh thác dữ

##### - Sóng to, gió lớn, thiên nhiên chủ động:

+ Sóng to, gió lớn: Nhà văn miêu tả

*“Tới cái thác rồi. Ngoặt khúc sông lượn, thấy sóng bọt đã trắng xóa cả một chân trời đá”*

Tính từ: trắng xóa

Số từ: cả

⇒ Khung cảnh sóng to, gió lớn

+ Thiên nhiên chủ động:

*“Đá ở đây từ ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông” để “vồ lấy thuyền”*

Nhân hóa, động từ “mai phục” “vồ”: sự chủ động của đá, của thiên nhiên vây bắt, giăng bẫy con người.

##### - Lực lượng hùng hậu, đông đảo, nham hiểm, hiếu chiến:

+ hùng hậu, đông đảo: mai phục từ *ngàn năm*, có đá tướng, đá quân, hàng tiền vệ, hàng hậu vệ, luồng sống, luồng chết, cửa tử, cửa sinh, boong ke chìm, pháo đài đá nổi...

+ nham hiểm, hiểm chiến: sẵn sàng “nhỏm cả dậy để vồ lấy thuyền”; “mặt hòn đá nào trông cũng ngỗ ngược, hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó”; “phối hợp với đá, nước thác reo hò làm thanh viện cho đá”; “một hòn trông nghiêng thì như là đang hát hàm hỏi cái thuyền phải xưng tên tuổi trước khi giao chiến”; “một hòn khác lùi lại một chút và thách thức cái thuyền có giỏi thì tiến gần vào”; “hò la vang dậy”

⇒ Nguyễn Tuân đã sử dụng triệt để nghệ thuật nhân hóa, cùng những tính từ đặc tả đặc điểm nham hiểm của đá và những động từ miêu tả hành động hiểm chiến của chúng.

⇒ Trong quân sự nếu lực lượng đông đảo nhưng ô hợp thì không ăn thua. Đá ở đây hùng hậu, đông đảo lại nham hiểm, hiểm chiến. Chúng được tổ chức thành trận địa chặt chẽ với 3 vòng vây. Và ở đây, Sông Đà giống như một viên tổng tư lệnh đang điều binh, khiển tướng. Sông Đà giao việc cho mỗi hòn, nó bày thạch trận trên sông.

⇒ Vẻ hung bạo dữ dằn nhất.

### - Thạch trận sông Đà với 3 vòng vây:

+ Vòng 1: Sông Đà mở 5 cửa ải nước, trong đó có 4 cửa tử, 1 cửa sinh.

Cửa sinh nằm lập lò phía tả ngạn (trái)

+ Vòng 2: Sông Đà tăng nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào

Cửa sinh lại bố trí dang bên hữu ngạn (phải)

+ Vòng 3: Ít cửa hơn nhưng đều là cửa tử

Cửa tử cả phải cả trái. Luồng sống duy nhất ở ngay giữa dòng lấp sau lũ đá hậu vệ.

⇒ Bày binh bố trận chặt chẽ, nham hiểm vô cùng. Sông Đà hung bạo như hùm beo, như hổ báo. “Dòng nước hùm beo đang hồng hộc té mạnh trên sông”

⇒ **SÔNG ĐÀ HIỆN LÊN NHƯ KẸ THÙ SỐ 1.**



### c/ Con sông Đà trữ tình

Nguyễn Tuân không chỉ là nhà văn say mê những điều độc đáo, những tình cảm mãnh liệt, gió, bão, núi cao, rừng thiêng, thác ghềnh dữ dội mà Nguyễn Tuân còn luôn hướng đến cái thẩm mỹ, cái đẹp, cái lãng mạn. Bên cạnh con sông Đà “hung bạo”, hùng vĩ là con sông Đà “trữ tình”.

#### c.1 Khi từ trên tàu bay nhìn xuống:

- Trong cái nhìn của nhà văn thì: toàn bộ thiên nhiên núi rừng Tây Bắc giống như một người con gái mà sông Đà chính là mái đầu của người con gái ấy.

+ Con sông Đà giống như mái tóc dài buông xõa ngang vai và những bông ban, hoa gạo giống như những bông hoa cài trên tóc.

+ Từ trên tàu bay nhìn xuống, con sông Đà “*tuôn dài, tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc, chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc, bung nở hoa ban, hoa gạo tháng 2 và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân*”

⇒ Vẻ đẹp hấp dẫn, ngất ngây

- Nước sông Đà đổi màu theo từng mùa:

+ Mùa xuân: Dòng sông “*xanh ngọc bích chứ nước sông Đà không màu xanh canh hến của sông Gâm, sông Lô*”

+ Mùa thu: Nước sông Đà lừ lừ chính đỏ “*như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa. Cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn, bực bội gì mỗi độ thu về*”

+ NT phản đối kịch liệt cách gọi sông Đà đen “*như thực dân Pháp đã đè ngựa con sông ta ra, đổ mực tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế phiết vào bản đồ lai chữ*”

⇒ Nguyễn Tuân là người yêu nước. Tình yêu nước được thể hiện qua tình yêu thiên nhiên

#### c.2 Khi đi rừng lâu ngày bất ngờ gặp lại sông Đà

- Điểm nhìn của người đi rừng: tầm nhìn hẹp hơn

+ Có một niềm vui vô hạn khi bất ngờ được gặp lại sông Đà

“*Vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm*”

“*Vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng*”

“*Đằm đằm, ấm ấm như gặp lại cổ nhân*”

⇒ Niềm vui âm áp, hân hoan, lãng mạn

+ Sông Đà gợi cảm như một “**cố nhân**” (người quen cũ)

Nguyễn Tuân cảm nhận được vẻ đẹp cổ kính, đường thi: “**yên hoa tam nguyệt há Dương Châu**”. Lại cảm nhận được vẻ tinh nghịch khi nhìn thấy miếng sáng lóa lên một màu nắng tháng 3 đường thi.

### c.3 Khi đi thuyền phía hạ lưu:

- Cảnh thiên nhiên mơn mớn, thi vị:

+ Nếu ở thượng nguồn, con thuyền trên sông Đà lao nhanh như tên bắn, thì ở đây thuyền trôi lững lờ, êm đềm, cảnh vật hiện ra rõ nét hơn như những thước phim quay chậm, lãng mạn, bay bổng trữ tình:

“**Một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa**”

“**Cỏ gianh đầu núi đang ra những nõn búp**”

“**Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương**”

“**Con cá dầm xanh quẩy vọt lên mặt sông, bụng trắng như bạc rơi thoi**”

⇒ Cảnh mơn mớn

“**Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử**”

“**Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích thuở xưa**”

Âm thanh tĩnh lặng đến nỗi “**thèm nghe một tiếng còi**” xe

⇒ Cảnh thi vị

+ Sông Đà như một người tình nhân chưa quen biết

“**Dòng sông quăng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc**”

“**Và con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi**”

⇒ SÔNG ĐÀ TRỮ TÌNH NHƯ MỘT “CỐ NHÂN” VÀ MỘT “TÌNH NHÂN”

## B. VẸ ĐẸP CỦA NGƯỜI LÁI ĐÒ TÂY BẮC QUA HÌNH TƯỢNG ÔNG LÁI ĐÒ TÀI HOA, TRÍ DŨNG SONG TOÀN

### 1. Tình huống bộc lộ vẻ đẹp của ông đò

- Tình huống vượt thác dữ sông Đà, cuộc đấu tranh với thiên nhiên để “giành sự sống từ tay nó về tay mình”

+ Chính sự hùng vĩ của sóng thác, sông nước Đà giang đã đưa ông lái đò trở thành người anh hùng, lên hàng oai linh tối thượng

+ Nếu không phải vật lộn với *“dòng thác hùng beo đang hồng hộc tế mạnh trên sông đá”* thì có lẽ con người ấy chỉ mang một vẻ nào đó của một ông ngư, ông chài bình thường trên sông nước.

+ Sóng thác càng dữ dằn hung bạo và hiểm ác bao nhiêu càng giúp bộc lộ vẻ đẹp trí dũng tài hoa của người lái đò bấy nhiêu

## 2. Ông lái đò với vẻ đẹp trí dũng của một tay lái “ra hoa”

- Vẻ đẹp được bộc lộ trên cái nền một cuộc chiến không cân sức:

+ Trận địa thác đá sông Đà: hùng hậu, đông đảo, nham hiểm, hiểm chiến

+ Ông đò một mình đơn độc với chiếc thuyền

- Tay lái “ra hoa” khi vượt qua được trận địa thác đá:

+ vòng 1:

- Sông Đà mở năm cửa ải nước, trong đó 4 cửa tử, 1 cửa sinh “nằm lập lòe phía tả ngạn”
- Ông đò bị đánh “miếng đòn hiểm độc nhất”, đau đớn đến “méo bệch đi”. Miếng đòn đánh vào hạ bộ của ông đò khiến ông đau đớn đến phờ phạc, tái nhợt mặt mày vì phải cố nén vết thương. Tuy đau đớn nhưng hai chân ông vẫn kẹp chặt lấy cuống lái và chỉ huy ngắn gọn, tỉnh táo, vượt qua 4 cửa tử để lọt vào 1 cửa sinh duy nhất.

⇒ Ông đò quyết đoán, tỉnh táo cố gắng chịu mọi đau đớn không lùi bước và sợ hãi

+ vòng 2:

- Sông Đà thêm nhiều cửa tử, cửa sinh bên hữu ngạn
- Ông đò không một phút nghỉ tay, nghỉ mắt mà đổi luôn chiến thuật. Ông đã “nắm chắc binh pháp của thần sông, thần đá”, đã “thuộc quy luật phục kích của lũ đá nham hiểm”. Ông thao tác nhanh, chuẩn xác, liên tiếp và điêu luyện: nắm chặt bờm sóng, ghì cương lái, bám chắc luồng nước và phóng nhanh vào cửa sinh, lái miết một đường chéo về phía nó. Ông nhớ hết mặt bọn thủy quân, ông đề sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường.

- Bọn thủy quân xô ra định níu thuyền, lôi thuyền vào cửa tử, vẫn reo hò khiêu khích dù bị bỏ lại phía sau, rồi “tiu ngửi cái mặt xanh lè thất vọng”

⇒ Chiến thắng bằng trí và dũng

+ vòng 3:

- Sông Đà ít cửa hơn, nhưng bên phải, bên trái đều là luồng chết, luồng sống duy nhất ở giữa, nắp sau lũ đá hậu vệ.
- Ông đồ phóng thẳng thuyền chọc thủng cửa giữa, vút qua cổng đá cánh mờ cánh khép, vút qua cửa ngoài, cửa trong. Thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được, lượn được@

⇒ 3 lớp trùng vi thạch trận đầy cửa tử của trận địa thác đá đã không ăn chết được một con thuyền đơn độc của ông lái đò. Ông đồ không có đôi cánh của hec-quin để bay, không thể hô mưa gọi gió, hô phong hoán vũ như Sơn Tinh, Thủy Tinh mà vẫn chiến thắng bởi ông đã nắm chắc binh pháp của thần sông, thần đá, có kinh nghiệm lên thác xuống ghềnh, mười năm hàng trăm lần vượt thác, ông quả là một tay lái “ra hoa”, trí dũng song toàn.

### **3. Ông lái đò với vẻ đẹp bình thản, khiêm nhường của một người lao động sông nước**

- Chiến thắng thiên nhiên hung bạo nơi các cửa ải nước đủ tướng dữ quân tợn nhưng ông không kiêu căng, tự đắc, tự mãn.
  - + Đốt lửa trong hang đá, nướng cơm lam
  - + Bàn về cá anh vũ, cá dầm xanh, về những hang đá
- Coi việc chiến đấu, chiến thắng sông Đà hung bạo để giành lấy sự sống là một chuyện thường ngày, “không có gì là hồi hộp, đáng nhớ”

## **III. TỔNG KẾT**

### **1. Về nghệ thuật**

- Vận dụng kiến thức rộng rãi từ nhiều ngành khoa học, nhiều phương diện nghệ thuật: địa lý, lịch sử, quân sự, điện ảnh
- Tạo tình huống bất ngờ, kịch tính (tình huống vượt thác)

- Miêu tả thiên nhiên, miêu tả tâm lý sắc sảo bằng những thủ pháp, biện pháp nghệ thuật như: nhân hóa, so sánh, ẩn dụ; sử dụng linh hoạt các động từ mạnh tính từ, từ láy chính xác, sáng tạo
- Linh hoạt thay đổi không gian, thời gian, điểm nhìn trần thuật trong tác phẩm  
⇒ Tác phẩm như một áng lụa ngôn từ uyên bác, tài hoa của một nhà văn tài hoa, uyên bác

## 2. Về nội dung

- Qua tác phẩm, Nguyễn Tuân đã khắc họa thành công vẻ đẹp của thiên nhiên núi rừng Tây Bắc qua hình tượng con sông Đà hung bạo, trữ tình. Đồng thời làm nổi bật vẻ đẹp của những con người lao động Tây Bắc qua hình tượng ông lái đò tài hoa, trí dũng song toàn
- Tác phẩm cũng đem đến một ý nghĩa: “Giữa cái thế giới của độc dữ và nham hiểm, cái thế giới đầy sức mạnh man dại và lập lờ cam bẫy, con người vẫn đủ khả năng tìm thấy luồng sinh – Đỗ Kim Hồi”

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Trọng Luận, Trần Đăng Suyền, Bùi Minh Toán, Lê A (Chủ biên), SGK Ngữ văn 12, tập 1, NXB Giáo Dục, 2008.
2. TS. Trịnh Thu Tuyết, Tài liệu ôn thi THPT Quốc gia môn Ngữ văn từ năm 2015, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.
3. Đỗ Kim Hồi, Người lái đò Sông Đà- vẻ đẹp của một dòng sông chữ, Tuyển tập 15 năm tạp chí văn học và tuổi trẻ, tập hai “Đi tìm vẻ đẹp văn chương”, NXB Giáo Dục, 2008.
4. Nguyễn Văn Đường (Chủ biên), Thiết kế bài giảng Ngữ văn 12, tập 1, NXB Hà Nội, 2012.
5. Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Ôn tập môn Ngữ văn chuẩn bị cho kỳ thi THPT Quốc gia, tập 1, NXB GD Việt Nam, 2015.
6. Nguyễn Duy Kha (Chủ biên), Bộ đề môn Ngữ văn chuẩn bị cho kỳ thi THPT Quốc gia, NXB GD Việt Nam, 2016
7. Phan Trọng Luận, Trần Đăng Suyền, Bùi Minh Toán, Lê A (Đồng chủ biên), SGK Ngữ văn 12, tập 1, NXB GD Việt Nam, 2008.